TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN UH-TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2019
(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN UH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân; Ông Đặng Viết Côi.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tưởng Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện UH, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Khuyến, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện UH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị **Trần Thị T** - sinh năm 1995. Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn HT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình.

**** Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Văn T1** - sinh năm 1990. Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn TK, xã ĐT, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**** Người làm chứng:*** Ông **Nguyễn Văn K,** sinh năm 1962 *(bố đẻ anh T1).* Nguyên quán và nơi ĐKHKTT: thôn TK, xã ĐT, huyện UH, thành phố Hà Nội. *(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T1 và ông K đều vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã ĐT ngày 04/6/2019. Vợ chồng anh mới đăng ký kết hôn nhưng chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Trong thời gian chờ tổ chức lễ cưới thì phát sinh mâu thuẫn từ hai bên gia đình, anh T1 đánh chửi chị nhiều lần và còn dọa giết chị. Vì lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng của mình nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở khoảng hơn 01 tháng nay và sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T1 nhiều lần vẫn nhắn tin đe dọa chị. Nay chị nhận thấy chị không còn tình

cảm gì với anh T1 nữa, chị cũng không muốn tiếp tục chung sống với anh T1, nên chị xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh chị chưa có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có quan điểm đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa hai vợ chồng chị, vì chị cương quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T1, chị không bao giờ thay đổi nguyện vọng trên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T1: Không có ý kiến trình bày gì.

Ông Nguyễn Văn K (bố đẻ anh T1 có quan điểm): Anh T1 và chị T quen biết và tìm hiểu nhau như thế nào gia đình ông không biết. Gia đình ông chỉ biết tại thời điểm anh T1 có quen với chị T thì chị T là gái đã có chồng và khi đó vợ chồng chị T mới chỉ ly thân chứ chưa làm thủ tục ly hôn. Cho đến tháng 5/2019 chị T và chồng cũ mới chính thức ly hôn xong thì anh T1 dẫn chị T đi đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT vào đầu tháng 6/2019. Tuy nhiên, hai gia đình vẫn chưa tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Trong khoảng thời gian này anh T1 và chị T có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể như nào gia đình ông không nắm được, nhưng gia đình chị T có hai lần đến nhà ông nói chuyện với những lời lẽ xúc phạm, đe doạ, có thái độ gây gổ yêu cầu anh T1 phải ly hôn với chị T. Gia đình ông có hỏi chuyện thì anh T1 cho biết hai vợ chồng anh ngoài Hà Nội có xảy ra mâu thuẫn, anh T1 có đánh chị T thì chị T gọi điện cho người nhà đến đánh anh T1 tại phòng trọ. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, vì anh T1 bận đi làm nên không thể lên Toà án làm việc được. Gia đình ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án và giao lại cho anh T1. Quan điểm của anh T1 cũng như gia đình ông: đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh T1 xin phép được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Toà án và vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2019, chính quyền địa phương xã ĐT cung cấp: chị Trần Thị T là người quê ở HT, xã VH, huyện KS, tỉnh Ninh Bình kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký tại UBND xã ĐT ngày 04/6/2019. Vì chị T và anh T1 mới đăng ký kết hôn và sau đó hai vợ chồng lại ra ngoài Hà Nội sinh sống và làm việc nên chính quyền địa phương không biết về mâu thuẫn vợ chồng anh T1 chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, quan điểm chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho công dân. Anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TK, xã ĐT, huyện UH, thành phố Hà Nội và sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị Quyết. Ông K đồng thời cũng là trưởng thôn thôn TK. Anh T1 đi làm ngoài Hà Nội thỉnh thoảng về nhà, Toà án cùng chính quyền địa phương nhiều lần triệu tập và đến tại nhà anh T1 giao văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều không gặp anh T1 nên tiến hành giao cho ông K, ông K cam kết giao lại ngay trong ngày cho anh T1.

Tại phiên tòa, chị T và anh T1 đều vắng mặt, chị T có đơn trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên ý kiến như nội dung trình bày tại Tòa trước đây và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện UH phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1; chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ- ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện UH tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng thẩm quyền, Tòa án đã triệu tập anh T1 đến Tòa để hòa giải và tham gia phiên toà nhưng anh T1 không chấp hành, chị T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã ĐT ngày 04/6/2019 là hôn nhân hợp pháp. Đang trong thời gian chuẩn bị tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán thì giữa anh T1 với chị Quỳnh và giữa hai gia đình xảy ra mâu thuẫn đánh, cãi, chửi nhau, chị T đã bỏ đi khỏi nhà anh T1, hai vợ chồng đã sống ly thân đến nay, nay chị T cương quyết xin được ly hôn với anh T1, lời trình bày của chị T phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Văn K - bố đẻ anh T1 về việc giữa hai vợ chồng chị T và anh T1 có xảy ra mâu thuẫn, trong suốt quá trình hòa giải, làm việc anh T1 đều viện lý do bận công việc không đến Tòa.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T với anh T1 là căng thẳng, hôn nhân giữa hai vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản và công nợ chung: Chị T và anh T1 không đề nghị Toà án giải quyết.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí, nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung; tài sản và công nợ chung: chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận chưa có.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009220 ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện UH, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục THADS UH;
- UBND xã nơi Đăng ký kết hôn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u h/s; v/p./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thiện

Thành viên Hội đồng xét	**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

xử	